TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT
Ngày 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Nguyễn Đức Cảnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Sơn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ*:** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh NĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1987 và chị Đặng Thị Thuỷ, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Xóm Nguyên Lực, xã Nghĩa Lạc, huyện NH, tỉnh NĐ.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981 và chị Trương Thị Bích Quý, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Xóm Đồng Nguyên, xã Nghĩa Lạc, huyện NH, tỉnh NĐ.

Tại phiên tòa có mặt: Anh Dự, chị Thuỷ, anh Trường, chị Quý.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng anh Dự chị Thuỷ có cho vợ chồng anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý vay một số tiền, cụ thể như sau: ngày 01/05/2018 mượn số tiền là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), ngày 17/7/2018 (âm lịch) mượn số tiền là: 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), ngày 08/11/2018 mượn số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), ngày 27/12/2018 âm lịch (tức là ngày 01/02/2019 dương lịch) mượn số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ngày 27/9/2019 mượn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngày 08/11/2019 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), ngày 3/12/2019 mượn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngày 19/12/2019 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ngày 31/01/2020 mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) ngày 11/02/2020 mượn 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), ngày 14/02/2020 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ngày 22/02/2020 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), ngày 14/03/2020 mượn 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), ngày 15/04/2020 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ngày 09/5/2020 mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ngày 23/5/2020 mượn 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng), ngày 02/6/2020 mượn 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), ngày 18/6/2020 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tổng cộng là **1**.219.000.000 đồng (một tỷ hai trăm mười chín triệu đồng). Tháng 07 năm 2020, vợ chồng anh Trường chị Quý đã trả được cho anh Dự chị Thuỷ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 02 tháng 9 năm 2020 vợ chồng anh Trường chị Quý tuyên bố vỡ nợ. Kể từ tháng 10 năm 2020 cho tới nay anh Trường, chị Quý đã trả thêm cho vợ chồng anh Dự chị Thuỷ tổng cộng là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) số tiền còn lại anh Trường chị Quý không trả cả gốc và lãi. Đến nay anh Trường chị Quý còn nợ số tiền là 1.069.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng). Anh Dự chị Thuỷ yêu cầu anh Trường chị Quý phải trả lại cho anh Dự chị Thuỷ số tiền trên, tính lãi là 20%/năm từ 02/09/2020 cho đến nay, tính tròn 27 tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý ban đầu có ý kiến xác định công nhận có vay của anh Dự chị Thuỷ số tiền là 1.219.000.000 (một tỷ hai trăm mười chín triệu đồng). Từ năm 2018 đến năm 2020 vợ chồng anh Trường chị Quý đã trả được cho anh Dự chị Thuỷ số tiền lãi là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Từ năm 2020 đến năm 2021 vợ chồng anh Trường chị Quý đã trả được cho anh Dự chị Thuỷ số tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Anh Trường chị Quý xác định còn nợ lại anh Dự chị Thuỷ số tiền là 1.069.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi chín triệu đồng) và lãi từ tháng 09/2020 đến nay. Sau đó và tại phiên toà anh Trường chị Quý thay đổi quan điểm như sau:

Anh chị xác nhận có vay và nợ anh Dự chị Thuỷ nhiều lần, vay trả lại vay. Nay xác nhận còn nợ số tiền 305.000.000 đồng theo biên nhận các ngày 01/05/2018 là 150.000.000 đồng, 17/07/2018 (âm lịch) là 15.000.000 đồng, 08/11/2018 là 80.000.000 đồng, 27/12/2018 là 60.000.000 đồng và lãi chưa thanh toán từ tháng 9/2020. Nay anh chị nhất trí trả trả số nợ 305.000.000 đồng, về lãi do điều kiện anh Trường chị Quý đã không còn khả năng trả nợ nên anh chị đề nghị không tính lãi đối với khoản vay nói trên. Còn về những giấy biên nhận ghi chữ "tr" thì anh Trường chị Quý yêu cầu anh Dự chị Thuỷ giải thích rõ, nếu có lý thì anh chị sẽ chấp nhận những khoản nợ đó.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh NĐ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn D và chị Đặng Thị Thuỷ, cụ thể: Buộc anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý phải thanh toán cho số tiền cho anh Dự, chị Thuỷ số tiền gốc là 1.069.000.000 đồng và tiền lãi là 240.525.000 đồng. Tổng cộng là 1.309.525.000 đồng (một tỷ ba trăm lẻ chín triệu năm trăm hai lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý có đơn kháng cáo, có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh NĐ phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của anh Anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý. Sửa một phần bản án sơ thẩm buộc vợ chồng anh Trường chị Quý chỉ phải trả cho vợ chồng chị Thủy số tiền là 1.039.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý được làm trong thời hạn luật định, do vậy được HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý, HĐXX xét thấy: Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2020, vợ chồng anh Đỗ Văn D và chị Đặng Thị Thủy có cho vợ chồng anh Trường và chị Quý vay tiền nhiều lần với tổng số tiền cho vay là 1.219.000.000 đồng; mỗi lần cho vay chị Thủy (vợ anh Dự) đều ghi sổ và vợ chồng anh Trường chị Quý đều ký tên. Đến năm 2021 vợ anh Trường chị Quý mới trả cho vợ chồng chị Thủy 150.000.000 đồng tiền gốc, như vậy số tiền gốc mà vợ chồng chị Quý còn nợ vợ chồng chị Thủy là 1.069.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng anh Trường chỉ thừa nhận còn nợ vợ chồng chị Thủy có 305.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng anh Trường chị Quý đối với khoản vay ngày 22/02/2020 số tiền là 200.000.000 đồng. Vợ chồng anh Trường kháng cáo cho rằng trong giấy biên nhận vay tiền không ghi rõ là vay hay trả; mặt khác khoản vay ngày 22/02/2020 lại ghi lên trước khoản vay ngày 27/9/2019, cho nên không hợp lệ, nghi ngờ có việc ghi chèn vào. HĐXX xét thấy khoản tiền vay ngày 22/02/2020 là một trong nhiều khoản vay được thể hiện trong Giấy mượn tiền giữa bên cho vay là vợ chồng anh Dự chị Thủy và bên vay là vợ chồng anh Trường chị Quý, với tổng số tiền cho vay là 1.219.000.000 đồng theo giấy mượn tiền mà hai bên đã ký kết với nhau. Việc vợ chồng chị Quý kháng cáo cho rằng đây là khoản cho vay không hợp lệ, nghi ngờ có việc ghi chèn vào, nhưng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng anh Trường chị Quý đối với một số khoản vay số tiền không được thể hiện rõ ràng bằng chữ, bằng số mà được thể hiện bằng chữ "tr" đằng sau những con số; vì vậy vợ chồng chị Quý không chấp nhận các khoản vay này. HĐXX xét thấy, về nguyên tắc thì số tiền trong các giao dịch phải được thể hiện bằng các con số và bằng chữ để trong ngoặc đơn sau dãy số. Trong Giấy mượn tiền giữa bên cho vay là vợ chồng anh Dự chị Thủy và bên vay là vợ chồng anh Trường chị Quý có nhiều khoản vay được bên cho vay viết tắt như: "Ngày 27/9/2019 mượn 30tr, ngày 08/11/2019 mượn 200tr, ngày 03/12/2019 mượn 30tr…". Theo lời khai giải trình của vợ chồng chị Thủy

cho biết việc viết tắt "tr" sau các khoản tiền, trong Giấy mượn tiền có nghĩa là "triệu". Như: "Ngày 27/9/2019 mượn 30tr, có nghĩa là 30 triệu; ngày 08/11/2019 mượn 200tr, có nghĩa là 200 triệu; ngày 03/12/2019 mượn 30tr, có nghĩa là 30 triệu…". Về nguyên tắc viết như trên là không đúng. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, trên thực tế trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2020, vợ chồng chị Thủy có cho vợ chồng anh Trường và chị Quý vay tiền nhiều lần với tổng số tiền gốc cho vay là 1.219.000.000 đồng; sau khi trừ đi số tiền gốc là 150.000.000 đồng mà vợ chồng chị Quý đã trả, thì hiện nay vợ chồng chị Quý còn nợ 1.069.000.000 đồng. Việc giải trình của vợ chồng chị Thủy cho biết việc viết tắt "tr" sau các khoản tiền, có nghĩa là "triệu" là có căn cứ để chấp nhận. Như vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị Thủy buộc vợ chồng chị Quý phải thanh toán cho vợ chồng chị Thuỷ số tiền gốc là 1.069.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng chị Quý cho rằng vợ chồng chị đã trả cho vợ chồng chị Thủy số tiền 30.000.000 đồng thể hiện trong giao dịch ngày 27/9/2019, nhưng cấp sơ thẩm vẫn tuyên vợ chồng chị phải thanh toán cho vợ chồng chị Thủy số tiền này là không chính xác. HĐXX xét thấy tại phiên tòa hôm nay vợ chồng chị Thủy có lời khai xác nhận vợ chồng chị Quý đã thanh toán hết số tiền 30.000.000 đồng thể hiện trong giao dịch ngày 27/9/2019. Vì vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của vợ chồng chị Quý sửa bản án sơ thẩm đối với số tiền này.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của vợ chồng anh Trường chị Quý sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện NH.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, cho nên vợ chồng anh Trường chị Quý không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Án phí sơ thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm cho nên vợ chồng anh Trường chị Quý phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của bản án phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6; Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn D và chị Đặng Thị Thuỷ, cụ thể: Buộc anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý phải thanh toán cho số tiền cho anh Dự, chị Thuỷ số tiền gốc là 1.039.000.000 đồng và tiền lãi là 233.774.999 đồng. Tổng cộng là 1.272.774.999đ (Một tỷ hai trăm bẩy mươi hai triệu bẩy trăm bẩy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng)

2. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

- Án phí sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Trần Văn T và chị Trương Thị Bích Quý phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 44.183.222đ (Bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả: Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- TAND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.